

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Thống Nhất

Ngày 15/01/2024	<b>42,000 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	-	-

**DT thuần**  
Q4/23

**21.4**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.50 | 34.8%  
YoY: ▼ 1.70 | -7.2%

**LN thuần**  
Q4/23

**11.7**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.32 | 246%  
YoY: ▲ 12.1 | 3347%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**9.25**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.87 | 289%  
YoY: ▲ 10.5 | 864%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**49.1%**

YoY: +/- ▲ 13.5%

**ROE**  
2023

**12.6%**

YoY: +/- ▼ 14.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	40,800 - 66,847
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
Số lượng CPLH (CP)	8,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,885
Sở hữu nước ngoài	16.6%
Beta	0.08
EPS	3,508
P/E	11.7

**DT thuần**  
2023

**74.5**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 158 | -67.9%

**LN thuần**  
2023

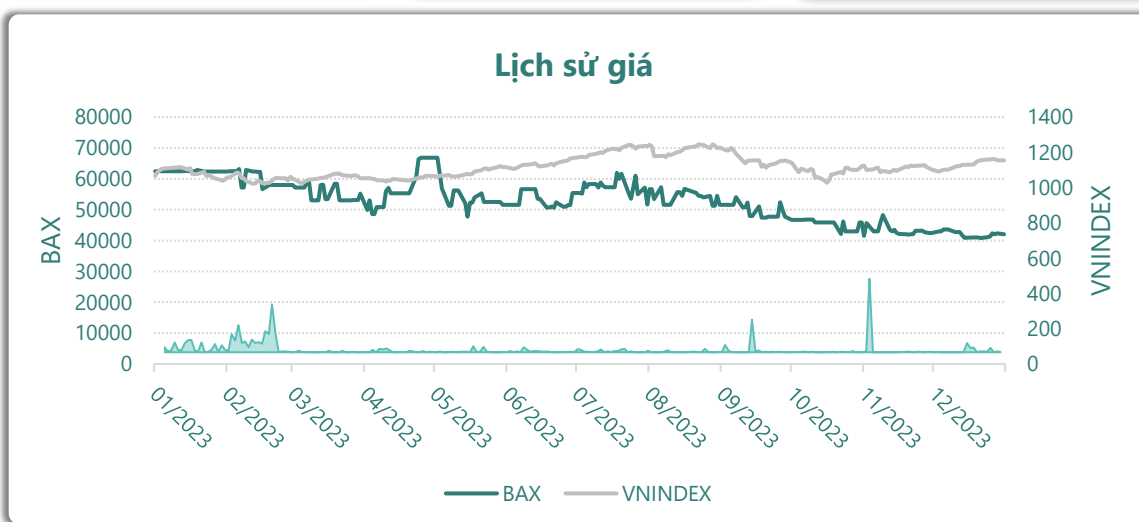
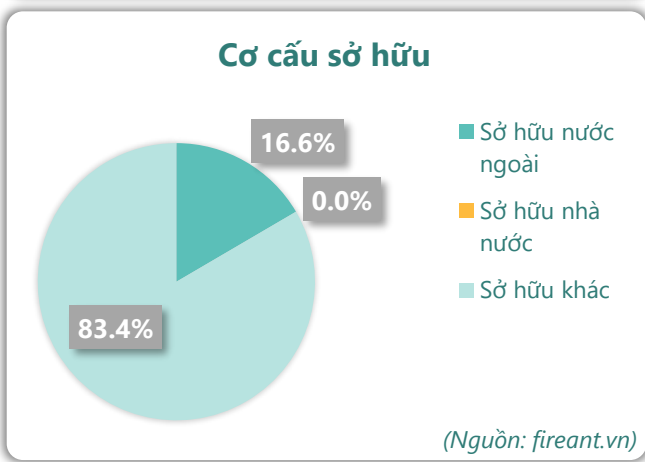
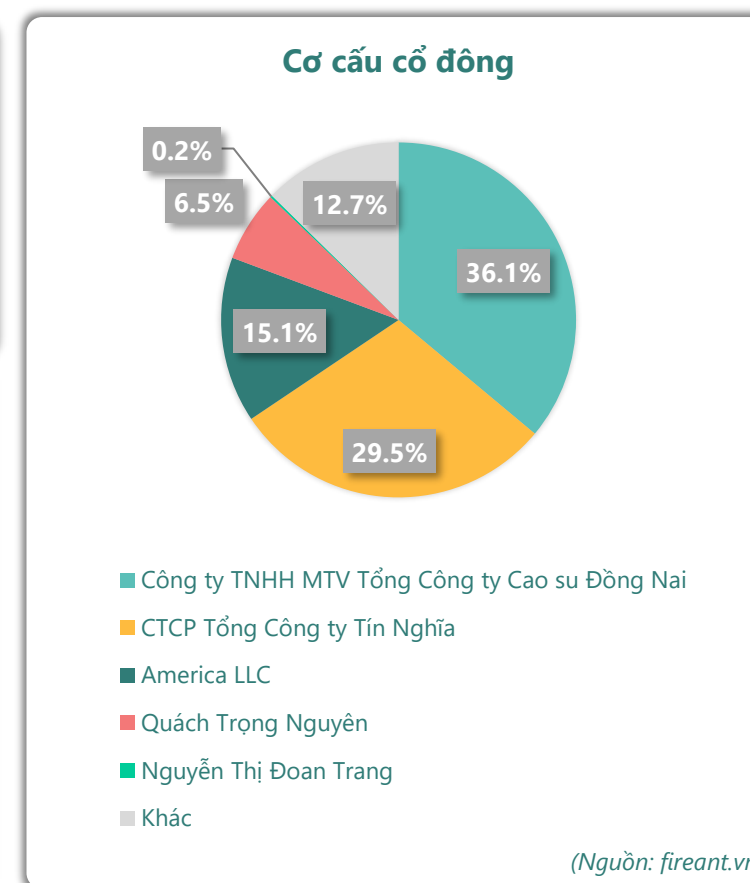
**36.9**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 38.9 | -51.4%

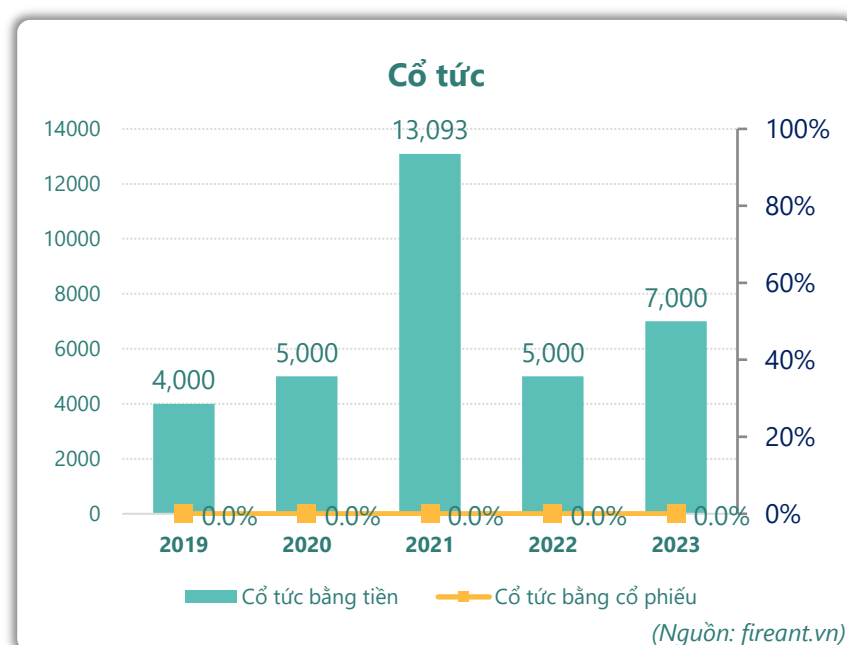
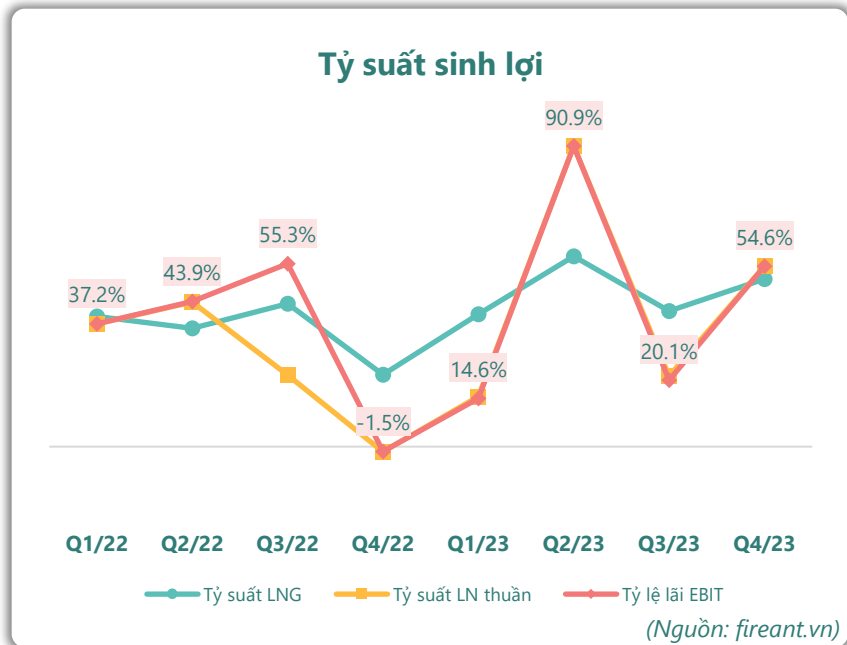
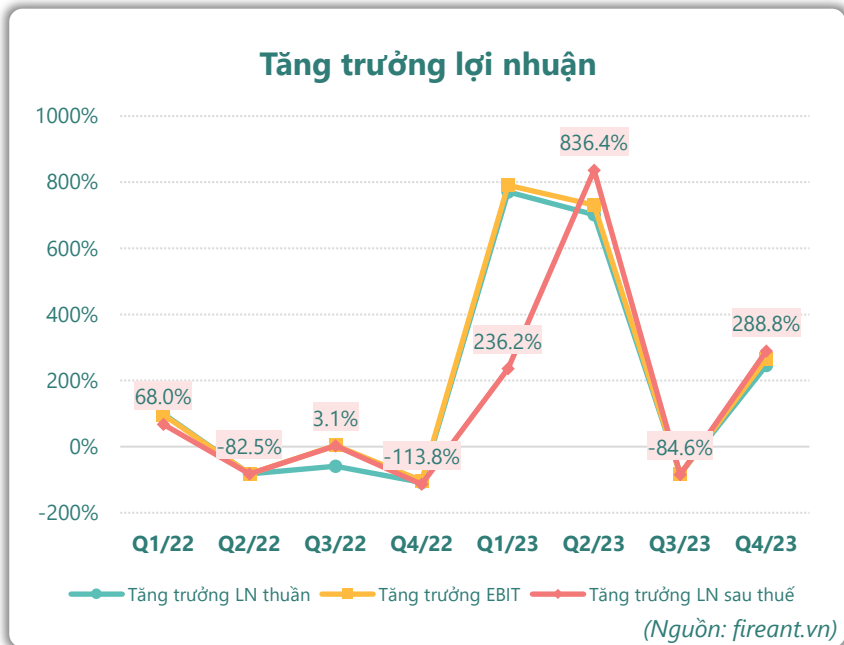
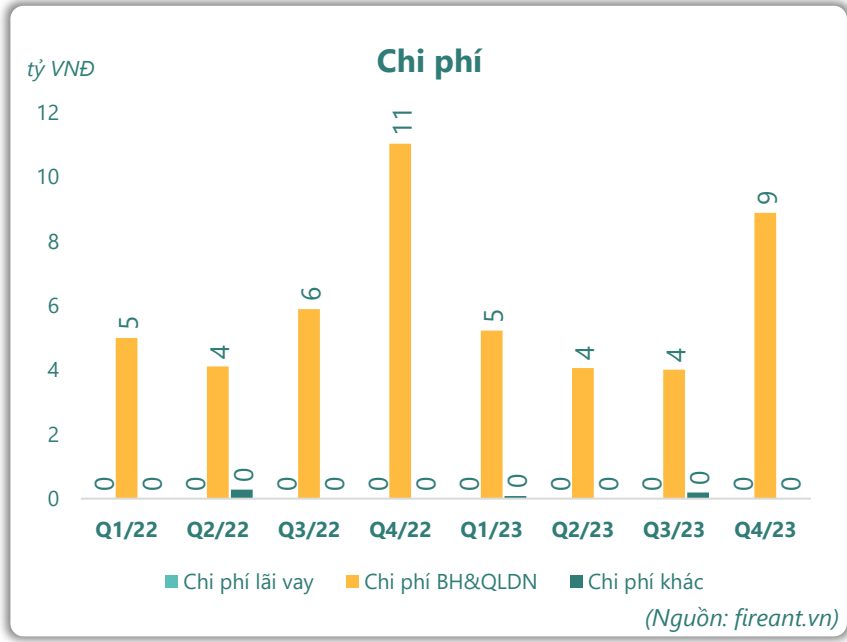
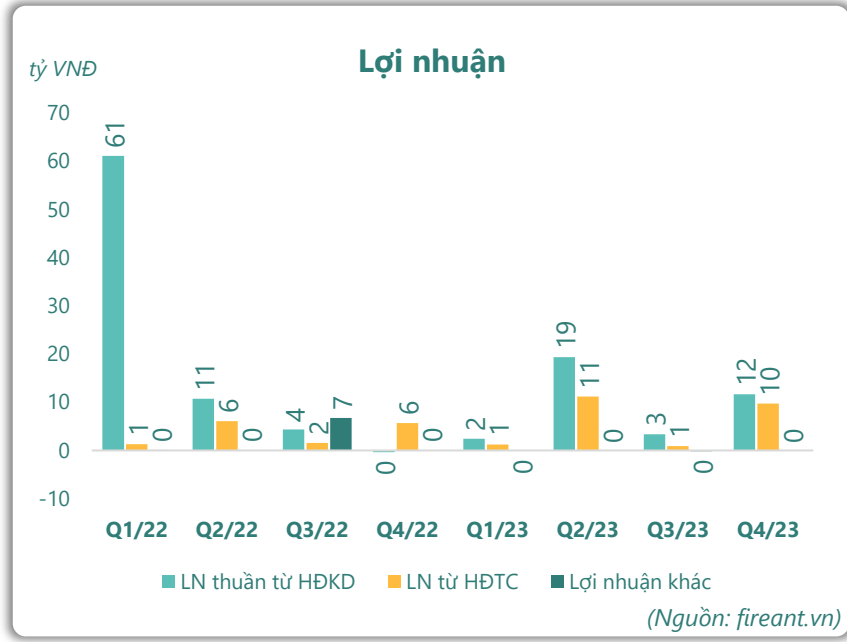
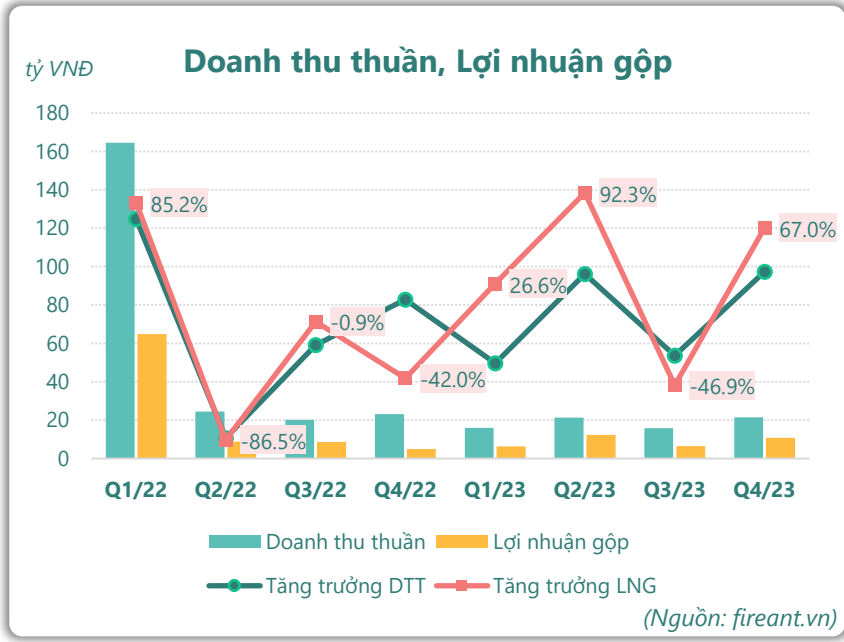
**LN sau thuế**  
2023

**28.8**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 35.9 | -55.5%



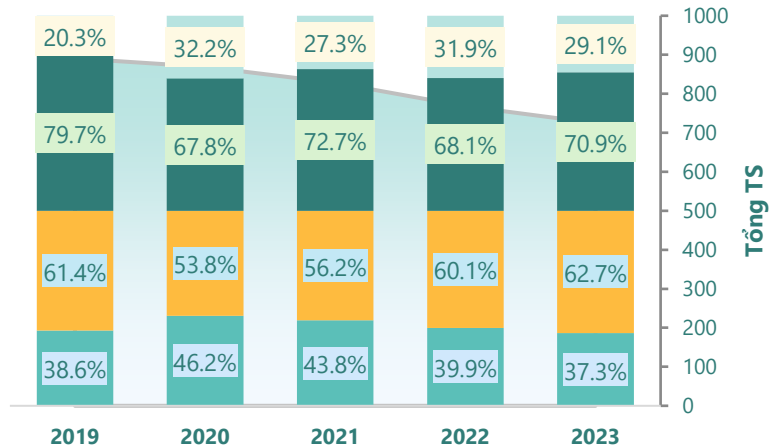
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

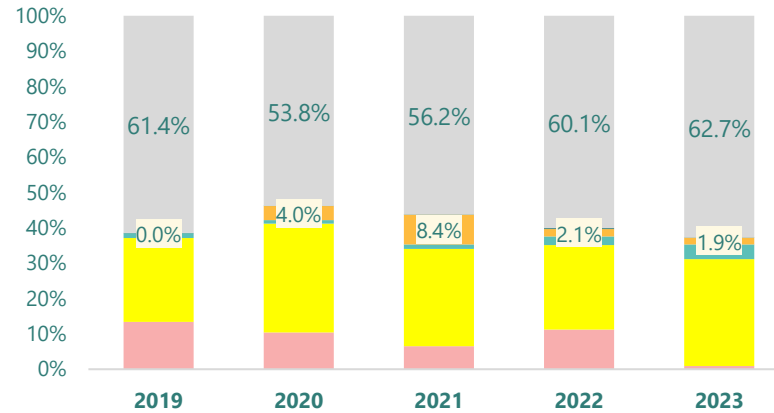
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

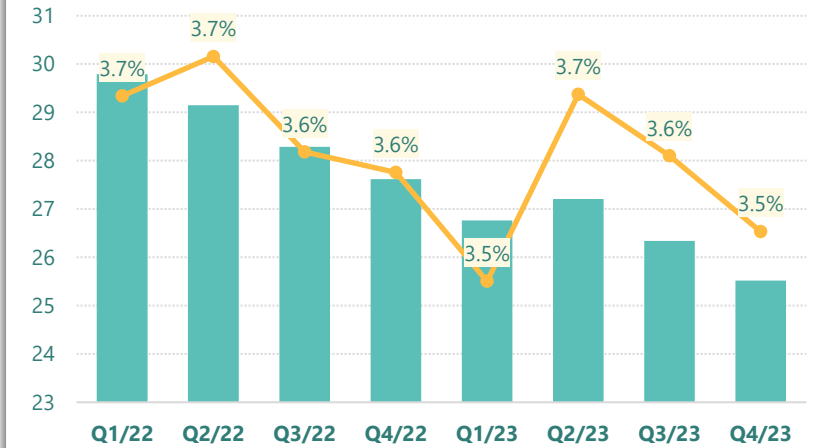
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

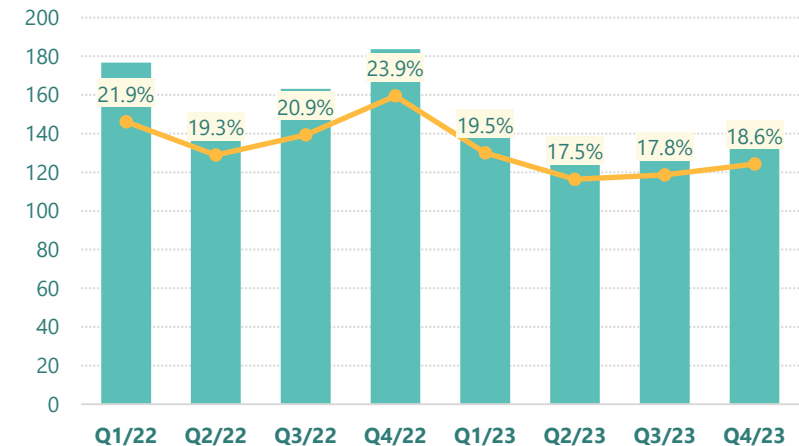
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

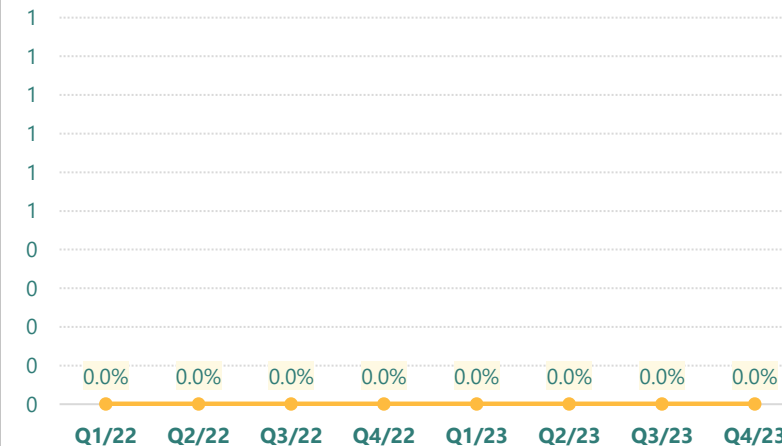
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

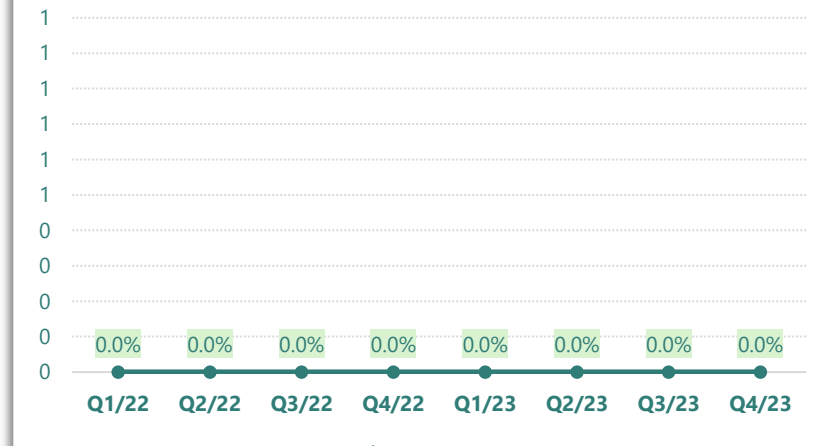
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

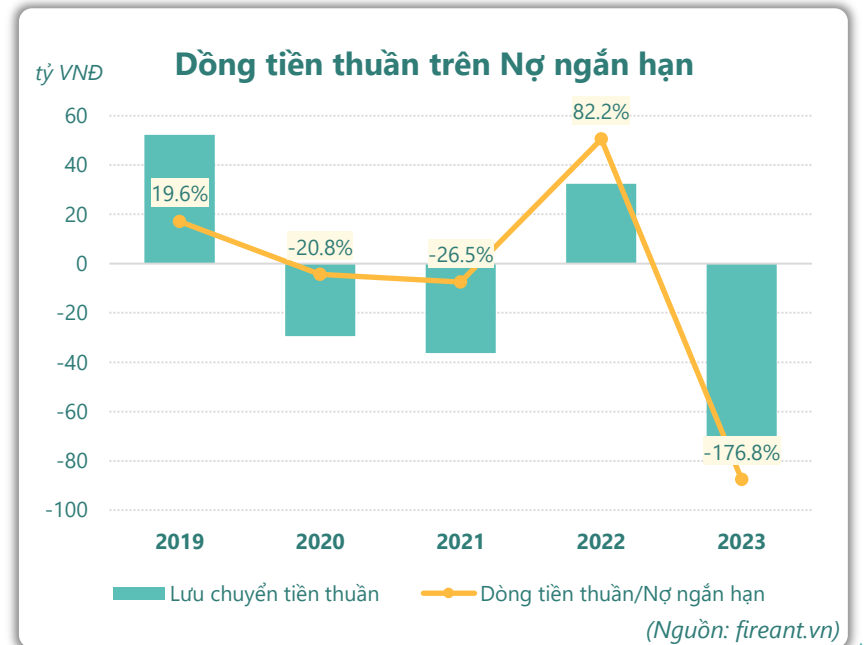
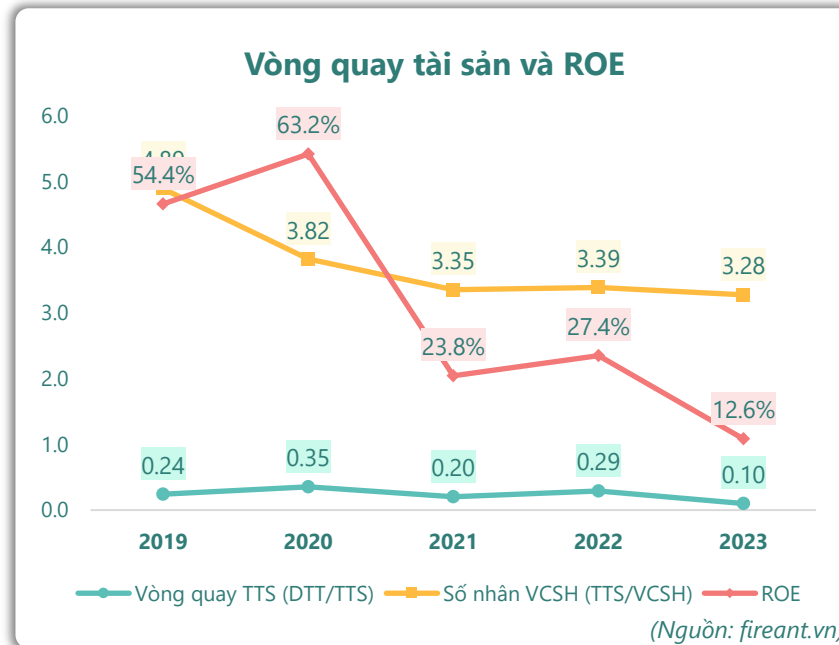
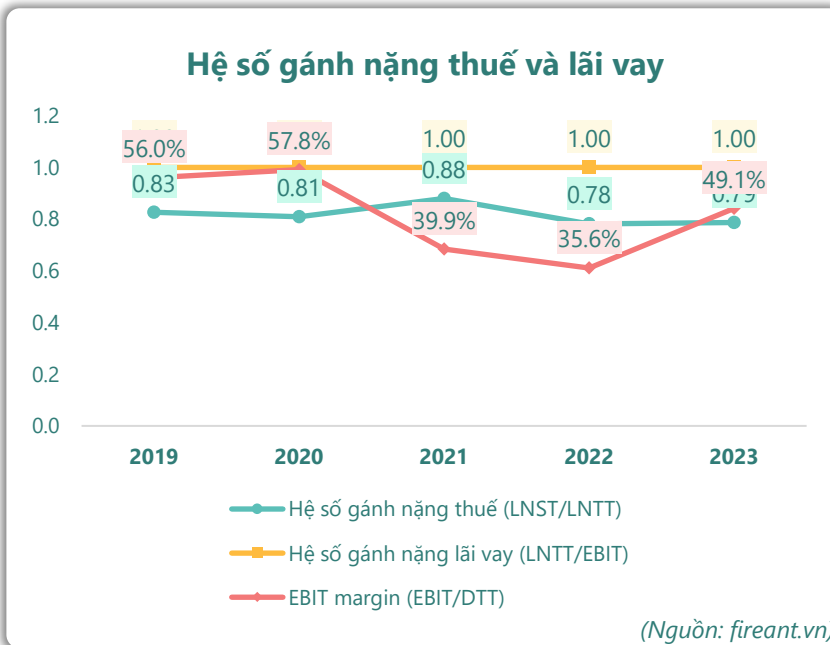
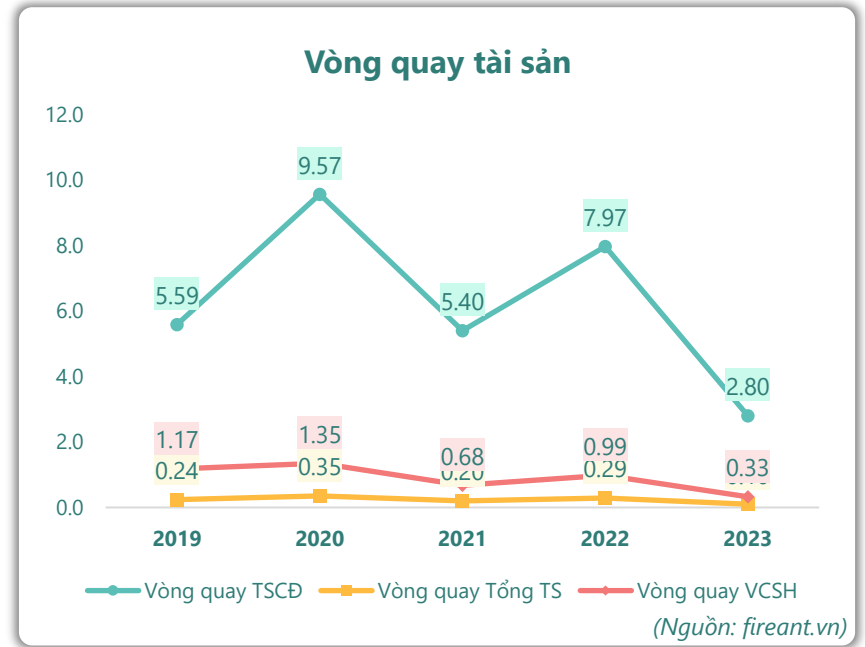
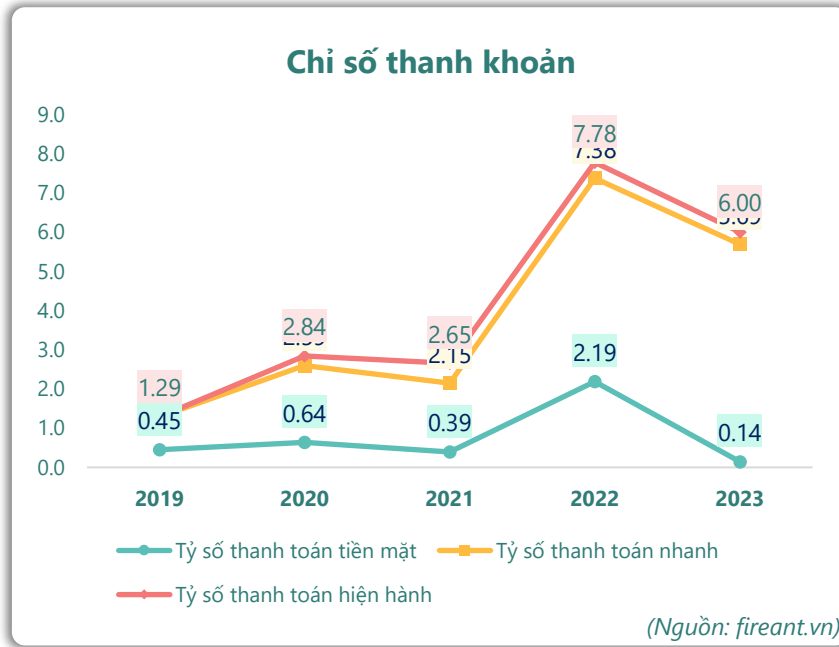
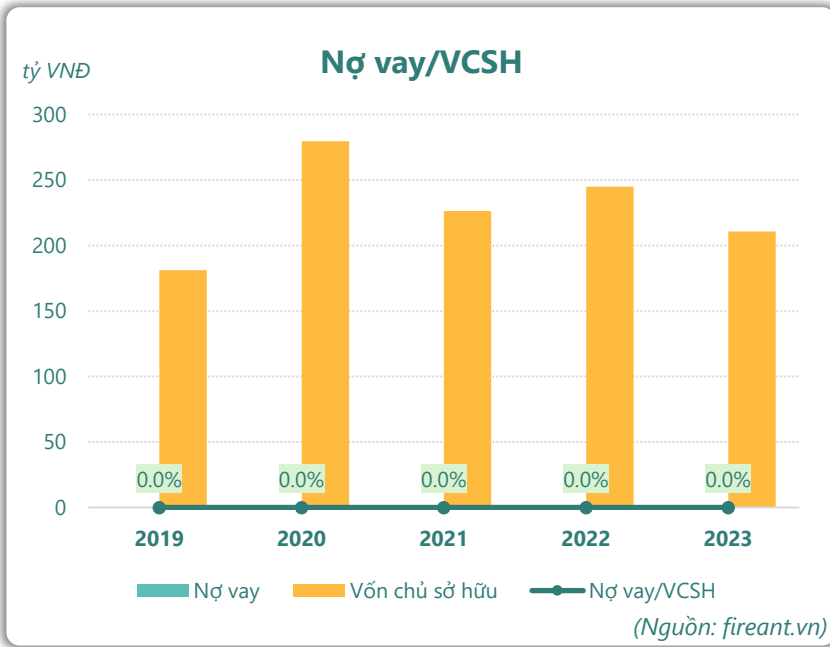
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>21.4</b>	<b>23.1</b>	<b>-7.2%</b>	<b>74.5</b>	<b>232</b>	<b>-67.9%</b>
Giá vốn hàng bán	10.6	18.1	-41.7%	38.5	145	-73.5%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>10.9</b>	<b>5.04</b>	<b>116%</b>	<b>36.0</b>	<b>87.3</b>	<b>-58.7%</b>
Doanh thu HĐTC	9.71	5.65	71.8%	23.0	14.6	57.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	<b>8.90</b>	<b>11.0</b>	<b>-19.1%</b>	<b>22.2</b>	<b>26.1</b>	<b>-14.8%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>11.7</b>	<b>-0.36</b>	<b>3347%</b>	<b>36.9</b>	<b>75.8</b>	<b>-51.4%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0.00</b>	<b>0.02</b>	<b>-94.0%</b>	<b>-0.27</b>	<b>6.95</b>	<b>-104%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>11.7</b>	<b>-0.34</b>	<b>3538%</b>	<b>36.6</b>	<b>82.8</b>	<b>-55.8%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>9.25</b>	<b>-1.21</b>	<b>864%</b>	<b>28.8</b>	<b>64.7</b>	<b>-55.5%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>9.25</b>	<b>-1.21</b>	<b>864%</b>	<b>28.8</b>	<b>64.7</b>	<b>-55.5%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.9	-13.9	14.1	-5.50	-6.10	-6.09
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.1	15.6	-72.9	33.3	7.37	-2.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.6	-0.33	-0.02	-40.4	-0.43	-0.04
Tiền đầu kỳ	48.4	84.8	86.1	27.3	14.8	15.6
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>36.5</b>	<b>1.31</b>	<b>-58.8</b>	<b>-12.6</b>	<b>0.83</b>	<b>-9.08</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	84.8	86.1	27.3	14.8	15.6	6.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>725</b>	<b>768</b>	<b>-5.6%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>270</b>	<b>306</b>	<b>-11.8%</b>
Tiền và tương đương tiền	6.50	86.1	-92.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	184	19.3%
Phải thu ngắn hạn	30.6	19.1	60.0%
Hàng tồn kho	13.9	15.9	-12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	1.65	-77.5%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>455</b>	<b>461</b>	<b>-1.5%</b>
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	25.5	27.6	-7.6%
Bất động sản đầu tư	163	116	40.5%
Tài sản dở dang	135	184	-26.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	<b>131</b>	<b>134</b>	<b>-2.5%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>514</b>	<b>523</b>	<b>-1.6%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>45.0</b>	<b>39.4</b>	<b>14.4%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.36	17.6	-75.3%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>469</b>	<b>483</b>	<b>-2.9%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>211</b>	<b>245</b>	<b>-14.0%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>211</b>	<b>245</b>	<b>-14.0%</b>
Vốn điều lệ	82.0	82.0	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)